TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 245/2024/DS-ST Ngày: 22/8/2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Huỳnh Thị Phượng**

+ Ông **Đặng Bình Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền –** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:192/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 20224; Thông báo mở lại phiên tòa số: 16/2024/TB-TA ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

* *Nguyên đơn*: **Võ Thị Hồng P**, sinh năm xxxx

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh T

Đại diện theo ủy quyền của bà P: **Ngô Trung H**, sinh năm xxxx

Địa chỉ: ấp G, xã T, thành phố G, tỉnh T

***** *Bị đơn***: Lê Thị N**, sinh năm xxxx

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Trương Văn T**, sinh năm xxxx

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T

Trần Văn H, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G. Tỉnh T.

(Anh H, anh H có mặt; bà N, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn Võ Thị Hồng P và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Ngô Trung H trình bày:** Năm 2022 bà P có mua các dây hụi do bà N và ông T có làm chủ hụi nhiều dây hụi như sau:

- Ngày 05/3/2022 âm lịch, bà N bán cho bà P 01 dây hụi 5.000.000 đồng gồm 23 phần, tổng số tiền bà P đã đưa cho vợ chồng bà N là 79.350.000 đồng.
- Ngày 10/7/2022 âm lịch, bà N bán cho bà P 02 dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi dây gồm 24 phần, tổng số tiền bà P đã đưa cho vợ chồng bà N là 72.000.000 đồng.
- Ngày 15/10/2022 âm lịch, bà N bán cho bà P 01 dây hụi 5.000.000 đồng gồm 23 phần, tổng số tiền bà P đã đưa cho vợ chồng bà N là 79.350.000 đồng.
- Ngày 20/02/2022 âm lịch, bà N bán cho bà P 02 dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây gồm 24 phần, tổng số tiền bà P đã đưa cho vợ chồng bà N là 151.080.000 đồng và mua 01 dây hụi 2.000.000 đồng gồm 23 phần, tổng số tiền giao cho vợ chồng bà N là 78.040.000 đồng.

Tổng số tiền mua hụi bà P đã giao cho vợ chồng bà N, ông T là 459.820.000 đồng, ngày 16/7/2023 bà N có viết giấy thỏa thuận do bà N viết với số tiền là 459.820.000 đồng, có chữ ký của bà P và bà N

Ngoài ra bà P còn tham gia các dây hụi do bà N, ông T làm chủ hụi như sau: Bà P tham gia 02 dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi dây gồm 24 phần, bà P tham gia mỗi dây một phần và 02 dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây gồm 23 phần, bà P tham gia mỗi dây 01 phần, tổng số tiền bà P đóng cho 04 dây hụi trên là 143.510.000 đồng

Tổng số tiền hụi bà vợ chồng bà N, ông T nợ bà P là 603.330.000 đồng, sau đó bà N tuyên bố úp hụi, đến này 10/9/2023 bà P bà N có ngồi lại để tính các khoản hụi thì bà N có làm giấy thỏa thuận do bà N viết, có chữ ký của bà P và bà N với số tiền mà bà N ghi là 603.330, tức là 603.330.000 đồng.

Nay bà P yêu cầu vợ chồng bà N, ông T trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:** Bà thống nhất đồng ý trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng nhưng không có khả năng trả một lần nên xin trả dần, số tiền trả dần bao nhiêu thì không xác định cụ thể được.

* **Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày**: Giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N có thỏa thuận chuyển nhượng

đối với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 14, diện tích 639,8m^2; tọa lạc tại ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang với giá là 400.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công. Trước đây ông Hải yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N và yêu cầu bà N trả lại số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Sau đó, ông Hải xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N.

*** Bị đơn bà Lê Thị N trình bày đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu độc lập:** Bà N đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa Trần Văn H và bà Lê Thị N.

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông Hải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà N trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà P xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện độc lập, yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Trương Văn T có nghĩa vụ liên đới với bà Lê Thị N trả cho bà Võ Thị Hồng P số tiền 603.330.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà P yêu cầu bà N trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Văn H, yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N là có cơ sở chấp nhận.

Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P yêu cầu bị đơn bà N, ông T trả số tiền hụi là 603.330.000 đồng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Căn cứ theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Hải yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lời trình bày của các bên đương sự, xét đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị N có trú tại ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trương Văn T, yêu cầu ông T và bà N trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của bà P là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng P, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P và bà N có xác lập giao dịch góp hụi với nhau trên cơ sở tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Thực tế hợp đồng này đã được xác lập và đã được thực hiện. Tuy nhiên, quá trình chơi hụi thì bà N tuyên bố bể hụi. Bà P yêu cầu bà N trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 603.330.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà P cung cấp 01 giấy thỏa thuận viết tay ngày 10-9-2023 do bà N viết và ký tên. Bà N cũng xác định là bà P có tham gia chơi hụi, mua lại các phần hụi do bà làm chủ hụi và bà N thừa nhận còn nợ bà P số tiền hụi là 603.330.000 đồng. Xét việc chơi hụi giữa bà P và bà N là có thật và thuộc trường hợp thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của bà P đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu

của bà P, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền hụi còn nợ là 603.330.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 15, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Đồng thời, bà P không yêu cầu trả lãi chậm trả nên không xem xét.

Về thời gian trả: Nguyên đơn bà P yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn bà N xin trả dần nhưng bà P không đồng ý. Xét yêu cầu của bà P là có cơ sở vì số tiền bà N để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P nên cần buộc bà N trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Văn H, yêu cầu bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8920, quyền số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất 294, tờ bản đồ số 14, diện tích 639,8m^2 (đất ở tại nông thôn 150m^2 và đất trồng cây lâu năm 489,8m^2); tọa lạc tại ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Thị N theo hồ sơ số 00239.TA.001 ngày 04/5/2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông xác nhận tại mục IV trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00239 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 22/5/2015. Ngày 09/12/2022, bà N lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Hải với giá là 400.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N được chứng thực tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công công chứng số 8920, quyền số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Xét việc kí kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Tại thời điểm các bên kí kết hợp đồng thì thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không bị tranh chấp hay kê biên thi hành án, đảm bảo đủ điều kiện chuyển nhượng đất theo quy định tại Luật đất đai. Xét, về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất nói trên có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với thửa đất số thửa đất số 294, tờ bản đồ số 14, diện tích 639,8m^2, tọa lạc tại ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Thị N theo hồ sơ số 00239.TA.001 ngày 04/5/2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông xác nhận tại mục IV trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH00239 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 22/5/2015. Xét việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa bà N và ông Hải được xác lập trước khi bà N bể hụi nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất nói trên không phải thuộc trường hợp tẩu tán tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31 tháng 10 năm 2023.

[6] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích trên, xét yêu yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Văn H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, các đương sự không yêu cầu Hội đồng xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P và yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hải được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 471, Điều 500, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Trương Văn T có nghĩa vụ liên đới với bà Lê Thị N trả cho bà Võ Thị Hồng P số tiền 603.330.000 đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng P.

Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Hồng P số tiền 603.330.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Văn H.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8920, quyền số 12/2022 TP/ CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2022 tại Văn phòng công chứng Đông Gò Công giữa ông Trần Văn H và bà Lê Thị N đối với thửa đất 294, tờ bản đồ số 14, diện tích 639,8m^2 (đất ở tại nông thôn 150m^2 và đất trồng cây lâu năm 489,8m^2) tọa lạc tại ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Thị N theo hồ sơ số 00239.TA.001 ngày 04/5/2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông xác nhận tại mục IV trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00239 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 22/5/2015 có hiệu lực.

Vị trí, số đo cụ thể thể hiện tại đo đạc, chỉnh lý địa chính thửa đất ngày 20/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông, có kèm theo sơ đồ.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký đất đai về đăng ký biến động quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[4] Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Bà Võ Thị Hồng P được nhận lại số tiền 80.000.000 đồng được bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 28.133.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Hoàn lại cho bà Võ Thị Hồng P 14.066.600 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028990 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Hoàn lại cho ông Trần Văn H 10.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013227 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên